

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ ĐẠNG THÙY TRÂM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /KH-UBND

Xã Đặng Thùy Trâm, ngày tháng 8 năm 2025

KẾ HOẠCH

Triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở 6 tháng cuối năm 2025 trên địa bàn

Thực hiện Kế hoạch số 06/KH-HĐPBGDPL ngày 22/7/2025 của Hội đồng phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh Quảng Ngãi về việc thực hiện truyền thông, phổ biến, giáo dục pháp luật về các Luật, Nghị quyết quy phạm pháp luật được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 9, các văn bản liên quan đến chính quyền địa phương 02 cấp; UBND xã ban hành Kế hoạch triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL); hòa giải ở cơ sở (HGCS) và chuẩn tiếp cận pháp luật (CTCPL) 6 tháng cuối năm 2025 trên địa bàn xã, như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp tại Kết luận số 80-KL/TW ngày 20/6/2020 của Ban Bí thư về việc tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 32-CT/TW của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của cán bộ, Nhân dân; Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới; tiếp tục thực hiện có hiệu quả Luật Phổ biến, giáo dục pháp luật (PBGDPL); Luật Hòa giải ở cơ sở; các quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 1521/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 80-KL/TW; số 21/2021/QĐ-TTg ngày 21/6/2021 quy định về thành phần và nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Phối hợp PBGDPL;

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ, công tác PBGDPL trong 6 tháng cuối năm 2025; trong đó đẩy mạnh công tác truyền thông, phổ biến các Luật, Nghị quyết quy phạm pháp luật được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 9, các văn bản liên quan đến chính quyền địa phương 02 cấp.

- Tuyên truyền viên pháp luật cấp xã, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã và các tổ chức chính trị xã hội chủ động thực hiện và phối hợp chặt chẽ để triển khai thực hiện bảo đảm hiệu quả, chất lượng; với các hình thức đa dạng, thích hợp, linh hoạt, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, phù hợp với yêu cầu thực tế trong tình hình hiện nay.

2. Yêu cầu

- Quán triệt và thực hiện đầy đủ chủ trương của Đảng, quy định pháp luật về PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật; bám sát nhiệm

vụ được giao trong văn bản pháp luật, nghị quyết của Quốc hội; chỉ đạo của lãnh đạo Đảng, Nhà nước về đổi mới công tác PBGDPL; thường xuyên rà soát, đánh giá hạn chế, bất cập trong thực tiễn thực hiện nhiệm vụ với các văn bản, quy định liên quan, từ đó đề xuất kiến nghị các giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Đa dạng hóa các mô hình PBGDPL hiệu quả, phù hợp với đặc thù từng đối tượng, địa bàn; huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực xã hội tham gia công tác PBGDPL, hòa giải ở cơ sở, chuẩn tiếp cận pháp luật; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin gắn kết chặt chẽ với hoạt động chuyển đổi số trong thực hiện nhiệm vụ.

II. NỘI DUNG KẾ HOẠCH

1. củng cố, kiện toàn và nâng cao chất lượng hoạt động của đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật cấp xã

a) Thực hiện rà soát, kiện toàn tuyên truyền viên pháp luật.

- Tham mưu thực hiện: Văn Phòng HĐND và UBND

- Thời gian thực hiện: thường xuyên phù hợp với thực tế.

b) Tập huấn, lập danh sách đề nghị tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ tuyên truyền, PBGDPL cho đội ngũ báo cáo viên pháp luật, tuyên truyền viên pháp luật

- Chủ trì thực hiện: Tuyên truyền viên pháp luật; Sở Tư pháp.

- Thời gian thực hiện: hàng năm.

2. Thực hiện chuyển đổi số, ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác PBGDPL; tăng cường tuyên truyền, PBGDPL trên các phương tiện thông tin đại chúng

a) Ban hành kế hoạch thực hiện Đề án “Chuyển đổi số trong công tác phổ biến, giáo dục pháp luật” trên địa bàn xã

- Tham mưu thực hiện: Văn Phòng HĐND và UBND.

- Phối hợp thực hiện: MTTQVN xã, các tổ chức chính trị - xã hội, tuyên truyền viên pháp luật;

- Thời gian thực hiện: sau khi ban hành kế hoạch này.

b) Tăng cường tuyên truyền, PBGDPL trên đài phát thanh; Trang thông tin điện tử, các trang mạng xã hội của xã

- Chủ trì thực hiện: Phòng Văn hóa Xã hội.

- Phối hợp thực hiện: Tuyên truyền viên pháp luật xã.

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm.

3. Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các văn bản pháp luật

a) Phổ biến, quán triệt kịp thời các nội dung cơ bản, thiết thực, điểm mới của các văn bản quy phạm pháp luật, bao gồm 34 Luật và 09 nghị quyết quy phạm pháp luật được Quốc hội thông qua tại kỳ họp thứ 9 (có Phụ lục 1 kèm theo); 28 Nghị định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền của chính quyền 02 cấp trong các lĩnh vực nhà nước (có Phụ lục 2 kèm theo); phổ biến Luật Tư pháp người chưa thành niên theo Kế hoạch số 05/KH-

UBND ngày 25/7/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Quyết định số 1089/QĐ-TTg ngày 09/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật Tư pháp người chưa thành niên trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi.

b) Tiếp tục tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật thuộc các lĩnh vực đời sống xã hội, có liên quan trực tiếp đến sản xuất, kinh doanh, quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp; giữ vững quốc phòng, an ninh, bảo đảm trật tự an toàn xã hội như pháp luật về khiếu nại, tố cáo; tín ngưỡng tôn giáo; bảo vệ môi trường; tiếp cận thông tin; an toàn thực phẩm; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; lao động; bảo hiểm xã hội, y tế; an toàn giao thông; an ninh mạng; an toàn thông tin mạng; pháp luật liên quan đến cải cách hành chính; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí; trách nhiệm bồi thường của Nhà nước; các quy định về phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật và tệ nạn xã hội; chú trọng thực hiện PBGDPL cho các đối tượng đặc thù; tuyên truyền tại các địa bàn vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số; tuyên truyền pháp luật liên quan đến hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp; những vấn đề dư luận xã hội quan tâm hoặc cần định hướng; các điều ước quốc tế về quyền con người...

- Chủ trì thực hiện: Tuyên truyền viên pháp luật của xã.
- Phối hợp thực hiện: MTTQVN, các tổ chức chính trị xã hội xã.
- Thời gian thực hiện: 6 tháng cuối năm 2025 và các năm tiếp theo.

4. Tổ chức thực hiện Ngày Pháp luật nước CHXHCN Việt Nam năm 2025 trên địa bàn xã

a) Ban hành kế hoạch tổ chức thực hiện Ngày Pháp luật nước CHXHCN Việt Nam năm 2025 trên địa bàn xã

- Tham mưu thực hiện: Văn Phòng HĐND và UBND.
- Phối hợp thực hiện: Cơ quan, tổ chức có liên quan.
- Thời gian thực hiện: Quý IV/2025.

b) Hướng dẫn, tổ chức các hoạt động hưởng ứng Ngày Pháp luật nước CHXHCN Việt Nam năm 2025 đi vào chiều sâu, thiết thực, gắn với thực hiện nhiệm vụ trọng tâm tại địa phương

- Chủ trì thực hiện: UBND xã.
- Phối hợp thực hiện: Cơ quan, tổ chức liên quan.
- Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm; cao điểm tháng 11/2025.

5. Triển khai các nhiệm vụ về công tác hòa giải ở cơ sở

a) Tập huấn, lập danh sách đề nghị cấp trên tập huấn kỹ năng nghiệp vụ, bồi dưỡng kiến thức pháp luật về hòa giải ở cơ sở theo Chương trình khung bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ hòa giải ở cơ sở cho hòa giải viên

- Chủ trì thực hiện: UBND xã.
- Phối hợp thực hiện: Tổ hòa giải

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm.

b) Tổ chức rà soát, củng cố, kiện toàn, nâng cao chất lượng đội ngũ hòa giải viên ở cơ sở, chú trọng thu hút cán bộ, công chức đã công tác trong lĩnh vực pháp luật tham gia công tác hòa giải ở cơ sở

- Tham mưu thực hiện: Văn Phòng HĐND và UBND.

- Phối hợp thực hiện: Mặt Trận TQVN, các tổ chức chính trị xã hội

- Thời gian thực hiện: Thường xuyên trong năm.

6. Thực hiện nhiệm vụ chuẩn tiếp cận pháp luật

Tiếp tục triển khai nhiệm vụ theo Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg và Thông tư số 09/2021/TT-BTP.

- Chủ trì thực hiện: UBND xã.

- Phối hợp thực hiện: MTTQVN xã, Công an xã.

- Thời gian thực hiện: Trong năm 2025.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ Kế hoạch này, tuyên truyền viên pháp luật xã chủ động triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở và chuẩn tiếp cận pháp luật 6 tháng cuối năm 2025 phù hợp với điều kiện và tình hình thực tiễn trên địa bàn bảo đảm thiết thực, hiệu quả.

2. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, các tổ chức chính trị xã hội căn cứ nội dung kế hoạch này, bộ biên soạn tài liệu kèm theo tổ chức tuyên truyền, phổ biến các nội dung văn bản luật cho hội viên và nhân dân trên địa bàn.

3. Công chức Văn phòng HĐND và UBND theo dõi, tham mưu UBND xã tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá việc thực hiện các nhiệm vụ theo Kế hoạch này; **định kỳ 6 tháng (trước ngày 30/5), 01 năm (trước ngày 30/11)** tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện gửi về Sở Tư pháp theo quy định.

4. Kinh phí thực hiện các nhiệm vụ, hoạt động tại Kế hoạch này được cấp theo quy định và các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

Trên đây là Kế hoạch triển khai công tác phổ biến, giáo dục pháp luật; hòa giải ở cơ sở 6 tháng cuối năm 2025 trên địa bàn xã Đặng Thùy Trâm.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp;
- TT Đảng ủy
- TT HĐND xã;
- CT, PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQVN xã, các Tổ chức CT-XH xã;
- Công an xã, Ban CHQS xã, Kiểm Lâm địa bàn;
- Tuyên truyền viên pháp luật;
- Các phòng chuyên môn và Trung tâm;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Vân

Phụ lục 1
CÁC LUẬT, NGHỊ QUYẾT ĐƯỢC QUỐC HỘI KHÓA XV
THÔNG QUA TẠI KỲ HỌP LẦN THỨ 9

1. Luật Tổ chức chính quyền địa phương (sửa đổi);
2. Luật Nhà giáo;
3. Luật Việc làm (sửa đổi);
4. Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt (sửa đổi);
5. Luật Công nghiệp Công nghệ số;
6. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quảng cáo;
7. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tiêu chuẩn và quy chuẩn kỹ thuật;
8. Luật Hóa chất (sửa đổi);
9. Luật Quản lý và đầu tư vốn nhà nước tại doanh nghiệp;
10. Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp (sửa đổi);
11. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Doanh nghiệp;
12. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa;
13. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả;
14. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quốc tịch Việt Nam;
15. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Tòa án nhân dân;
16. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân;
17. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân;
18. Luật Cán bộ, công chức (sửa đổi);
19. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng;
20. Luật Thanh tra (sửa đổi);
21. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính;
22. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
23. Luật Ngân sách nhà nước (sửa đổi);
24. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;
25. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật hình sự;
26. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu; Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư; Luật Hải quan; Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu; Luật Đầu tư; Luật Đầu tư công; Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

- 27. Luật Tham gia lực lượng gìn giữ hòa bình của Liên hợp quốc;
- 28. Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân;
- 29. Luật Đường sắt (sửa đổi);
- 30. Luật Khoa học, Công nghệ và Đổi mới sáng tạo;
- 31. Luật Năng lượng nguyên tử (sửa đổi);
- 32. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng hình sự;
- 33. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, Luật Công đoàn, Luật Thanh niên và Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở;
- 34. Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 Luật về quân sự, quốc phòng;
- 35. Nghị quyết số 203/2025/QH15 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- 36. Nghị quyết của Quốc hội về giảm thuế giá trị gia tăng;
- 37. Nghị quyết về cơ chế đặc biệt xử lý khó khăn, vướng mắc do quy định của pháp luật;
- 38. Nghị quyết của Quốc hội về việc thí điểm Viện kiểm sát nhân dân khởi kiện vụ án dân sự để bảo vệ quyền dân sự của các chủ thể là nhóm dễ bị tổn thương hoặc bảo vệ lợi ích công;
- 39. Nghị quyết về Trung tâm tài chính quốc tế tại Việt Nam;
- 40. Nghị quyết về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông tại các cơ sở giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc dân;
- 41. Nghị quyết về phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em mẫu giáo từ 3 đến 5 tuổi;
- 42. Nghị quyết về việc kéo dài thời hạn miễn thuế sử dụng đất nông nghiệp;
- 43. Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều của Nội quy Kỳ họp Quốc hội ban hành kèm theo Nghị quyết số 71/2022/QH15 ngày 15/11/2022 của Quốc hội./.

Phụ lục 2
CÁC NGHỊ ĐỊNH VỀ PHÂN QUYỀN, PHÂN CẤP,
PHÂN ĐỊNH THẨM QUYỀN CỦA CHÍNH QUYỀN 02 CẤP
TRONG CÁC LĨNH VỰC NHÀ NƯỚC

1. Nghị định số 120/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.
2. Nghị định số 121/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tư pháp.
3. Nghị định số 122/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý thuế.
4. Nghị định số 124/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp; phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực công tác dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo.
5. Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.
6. Nghị định số 126/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực dự trữ quốc gia.
7. Nghị định số 127/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân cấp thẩm quyền quản lý nhà nước trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.
8. Nghị định số 128/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong quản lý nhà nước lĩnh vực nội vụ.
9. Nghị định số 129/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ.
10. Nghị định số 130/2025/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực thống kê.
11. Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và môi trường.
12. Nghị định số 132/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
13. Nghị định số 133/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.
14. Nghị định số 134/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đối ngoại.
15. Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.
16. Nghị định số 137/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.
17. Nghị định số 138/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch.

18. Nghị định số 139/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương.

19. Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

20. Nghị định số 141/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ.

21. Nghị định số 142/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương hai cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

22. Nghị định số 143/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

23. Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

24. Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn.

25. Nghị định số 146/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực công nghiệp và thương mại.

26. Nghị định số 147/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Y tế.

27. Nghị định số 148/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế.

28. Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai./.